

NGHỊ QUYẾT

Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 344/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 159/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công

cộng và Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 1.197 công trình, với diện tích là 12.260,17 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất

a) Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 583 công trình với diện tích 1.681,91 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục II kèm theo*).

b) Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ: 47 công trình với diện tích 1.233,17 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục III kèm theo*).

c) Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng: 02 công trình với diện tích 23,81 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục IV kèm theo*).

d) Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất: 288 công trình với diện tích 3.075,94 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục V kèm theo*).

(Kèm theo Biểu tổng hợp Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất của tỉnh và chi tiết từng huyện, thị xã và thành phố).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII kỳ họp thứ 20 thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. *nm*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính; Bộ TN&MT;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

nm



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án Nhà thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: tổng số 1.197 công trình, với diện tích là 12.260,17 héc ta; trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: 54 công trình, diện tích 520,76 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 149 công trình, diện tích 2.375,02 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 53 công trình, diện tích 191,71 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 111 công trình, diện tích 1.910,06 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 143 công trình, diện tích 2.191,23 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 134 công trình, diện tích 733,25 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 148 công trình, diện tích 428,42 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 149 công trình, diện tích 1.386,08 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 50 công trình, diện tích 277,16 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 89 công trình, diện tích 517,72 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 117 công trình, diện tích 1.728,76 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: 10 công trình, với diện tích 872,44 héc ta, bao gồm:

- Huyện An Lão: 01 công trình, diện tích 362,0 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 02 công trình, diện tích 97,20 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 01 công trình, diện tích 228,66 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 01 công trình, diện tích 0,08 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 02 công trình, diện tích 78,0 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 03 công trình, diện tích 106,50 héc ta.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 1.187 công trình, với diện tích 11.387,73 héc ta, bao gồm:

Tr *mm*



- Đất khu công nghiệp: 02 công trình, diện tích 800,0 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 44 công trình, diện tích 1.127,10 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 30 công trình, diện tích 1.405,28 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 03 công trình, diện tích 20,38 héc ta;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 91 công trình, diện tích 1.084,68 héc ta;

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 663 công trình, diện tích 2.795,26 héc ta; bao gồm:

- + Đất giao thông: 282 công trình, diện tích 1.935,89 héc ta;
- + Đất thủy lợi: 86 công trình, diện tích 116,63 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 31 công trình, diện tích 24,83 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế: 15 công trình, diện tích 17,84 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 69 công trình, diện tích 43,48 héc ta;

- + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 32 công trình, diện tích 35,55 héc ta;

- + Đất công trình năng lượng: 59 công trình, diện tích 242,87 héc ta;
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 02 công trình, diện tích 0,04 héc ta;

- + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 16 công trình, diện tích 29,05 héc ta;
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 15 công trình, diện tích 65,55 héc ta;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 04 công trình, diện tích 1,77 héc ta;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 39 công trình, diện tích 256,07 héc ta;

- + Đất chợ: 13 công trình, diện tích 25,67 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 17 công trình, diện tích 3,75 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 41 công trình, diện tích 138,34 héc ta;

- Đất ở tại nông thôn: 146 công trình, diện tích 2.049,59 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 127 công trình, diện tích 1.953,98 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 19 công trình, diện tích 9,10 héc ta;

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 04 công trình, diện tích 0,27 héc ta;

7/11/2021

3. Công trình, dự án thu hồi để đấu giá quyền sử dụng đất: 42 công trình, với diện tích 1.696,59 héc ta, bao gồm:

- Thị xã Hoài Nhơn: 06 công trình, diện tích 635,78 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 06 công trình, diện tích 69,42 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 07 công trình, diện tích 799,06 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 12 công trình, diện tích 38,55 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 03 công trình, diện tích 7,34 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 03 công trình, diện tích 70,62 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 05 công trình, diện tích 75,82 héc ta.

4. Công trình, dự án thu hồi để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất: 62 công trình, với diện tích 2.476,96 héc ta, bao gồm:

- Thị xã Hoài Nhơn: 09 công trình, diện tích 69,32 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 08 công trình, diện tích 732,46 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 04 công trình, diện tích 113,03 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 09 công trình, diện tích 159,35 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 05 công trình, diện tích 38,95 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 07 công trình, diện tích 577,42 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 08 công trình, diện tích 225,50 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 12 công trình, diện tích 560,93 héc ta.

Tr *nm*



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 583 công trình với diện tích 1.681,91 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: 13 công trình, diện tích 12,81 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 75 công trình, diện tích 256,62 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 28 công trình, diện tích 42,35 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 63 công trình, diện tích 191,63 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 69 công trình, diện tích 199,41 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 79 công trình, diện tích 295,05 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 105 công trình, diện tích 223,20 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 77 công trình, diện tích 164,96 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 20 công trình, diện tích 19,06 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 13 công trình, diện tích 10,90 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 41 công trình, diện tích 265,92 héc ta.

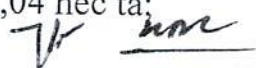
2. Phân theo mục đích sử dụng đất

2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: 10 công trình, với diện tích 26,66 héc ta, bao gồm:

- Thị xã Hoài Nhơn: 02 công trình, diện tích 6,50 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 01 công trình, diện tích 0,10 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 02 công trình, diện tích 4,22 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 01 công trình, diện tích 0,08 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 03 công trình, diện tích 14,0 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 01 công trình, diện tích 1,76 héc ta.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 573 công trình, với diện tích 1.655,25 héc ta, bao gồm:

- Đất quốc phòng: 03 công trình, diện tích 8,66 héc ta;
- Đất an ninh: 25 công trình, diện tích 5,04 héc ta;





- Đất khu công nghiệp: 02 công trình, diện tích 96,92 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 15 công trình, diện tích 77,37 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 26 công trình, diện tích 112,82 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 06 công trình, diện tích 3,64 héc ta;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 02 công trình, diện tích 0,9 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 302 công trình, diện tích 511,09 héc ta; bao gồm:

- + Đất giao thông: 162 công trình, diện tích 435,52 héc ta;
- + Đất thủy lợi: 28 công trình, diện tích 13,23 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 17 công trình, diện tích 13,30 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế: 04 công trình, diện tích 5,34 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 30 công trình, diện tích 14,46 héc ta;

- + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 08 công trình, diện tích 3,85 héc ta;
- + Đất công trình năng lượng: 31 công trình, diện tích 6,71 héc ta;
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 03 công trình, diện tích 0,05 héc ta;
- + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 03 công trình, diện tích 0,59 héc ta;
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 04 công trình, diện tích 7,93 héc ta;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 03 công trình, diện tích 1,07 héc ta;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 04 công trình, diện tích 1,27 héc ta;

- + Đất chợ: 05 công trình, diện tích 7,77 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 07 công trình, diện tích 0,80 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 13 công trình, diện tích 11,25 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 90 công trình, diện tích 258,73 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 74 công trình, diện tích 562,42 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 08 công trình, diện tích 5,59 héc ta;

TV am

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ

(Kèm theo Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ: 47 công trình với diện tích 1.233,17 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

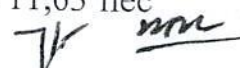
- Thị xã Hoài Nhơn: 08 công trình, diện tích 335,81 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 01 công trình, diện tích 2,20 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 13 công trình, diện tích 300,70 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 05 công trình, diện tích 402,84 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 01 công trình, diện tích 3,40 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 02 công trình, diện tích 47,20 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 07 công trình, diện tích 56,84 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 10 công trình, diện tích 84,18 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

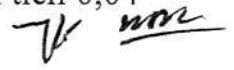
2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: 01 công trình, với diện tích 43,00 héc ta thuộc địa bàn huyện Tây Sơn.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 46 công trình, với diện tích 1.190,17 héc ta, bao gồm:

- Đất khu công nghiệp: 02 công trình, diện tích 135,05 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 01 công trình, diện tích 2,85 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 07 công trình, diện tích 385,98 héc ta;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 04 công trình, diện tích 40,68 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 21 công trình, diện tích 157,34 héc ta; bao gồm:
 - + Đất giao thông: 14 công trình, diện tích 108,98 héc ta;
 - + Đất công trình năng lượng: 05 công trình, diện tích 41,33 héc ta;
 - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 02 công trình, diện tích 7,03 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 01 công trình, diện tích 11,63 héc ta;



- Đất ở tại nông thôn: 06 công trình, diện tích 429,78 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 03 công trình, diện tích 26,82 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 01 công trình, diện tích 0,04 héc ta;



Phụ lục IV

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng: 02 công trình với diện tích 23,81 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Thành phố Quy Nhơn: 02 công trình, diện tích 23,81 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

- Đất giao thông: 02 công trình, diện tích 23,81 héc ta.

TK mm



Phụ lục V
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ
DỤNG ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất: 288 công trình với diện tích 3.075,94 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

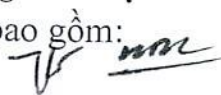
- Huyện An Lão: 22 công trình, diện tích 78,40 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 42 công trình, diện tích 869,13 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 07 công trình, diện tích 75,38 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 27 công trình, diện tích 338,38 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 56 công trình, diện tích 600,24 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 17 công trình, diện tích 228,25 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 12 công trình, diện tích 80,79 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 36 công trình, diện tích 264,42 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 16 công trình, diện tích 61,97 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 36 công trình, diện tích 352,07 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 17 công trình, diện tích 126,91 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: 23 công trình, với diện tích 460,68 héc ta, bao gồm:

- Huyện An Lão: 02 công trình, diện tích 15,0 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 04 công trình, diện tích 16,30 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 01 công trình, diện tích 1,64 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 02 công trình, diện tích 52,76 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 06 công trình, diện tích 246,44 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 04 công trình, diện tích 23,44 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 01 công trình, diện tích 3,60 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 03 công trình, diện tích 101,50 héc ta.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 265 công trình, với diện tích 2.615,26 héc ta, bao gồm:





- Đất quốc phòng: 06 công trình, diện tích 107,82 héc ta;
- Đất khu công nghiệp: 01 công trình, diện tích 320,81 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 13 công trình, diện tích 148,22 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 09 công trình, diện tích 311,24 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 11 công trình, diện tích 66,93 héc ta;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 96 công trình, diện tích 942,53 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 108 công trình, diện tích 657,93 héc ta; bao gồm:
 - + Đất giao thông: 47 công trình, diện tích 361,06 héc ta;
 - + Đất thủy lợi: 09 công trình, diện tích 9,51 héc ta;
 - + Đất xây dựng cơ sở y tế: 01 công trình, diện tích 0,80 héc ta;
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 02 công trình, diện tích 7,39 héc ta;
 - + Đất công trình năng lượng: 25 công trình, diện tích 120,98 héc ta;
 - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 02 công trình, diện tích 2,00 héc ta;
 - + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 06 công trình, diện tích 23,29 héc ta;
 - + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 16 công trình, diện tích 132,90 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 04 công trình, diện tích 24,78 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 13 công trình, diện tích 16,91 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 02 công trình, diện tích 18,01 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 02 công trình, diện tích 0,08 héc ta;

TK *mm*